

BÁO CÁO

**Kết quả giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng, ước 6 tháng đầu năm
và giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; Trên cơ sở số liệu giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của Kho bạc nhà nước tỉnh đến ngày 31/5/2022 và qua rà soát tiến độ thực hiện các dự án, UBND tỉnh báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng, ước 6 tháng đầu năm và giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 như sau:

I. Kết quả giải ngân 5 tháng, ước 6 tháng đầu năm 2022

1. Tổng kế hoạch vốn năm 2022: Đã giao là 7.305 tỷ 136 triệu đồng, thực hiện giải ngân 5 tháng năm 2022 là 1.411 tỷ 454 triệu đồng, đạt 19,8% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 19,3% so với kế hoạch tỉnh giao; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 2.190 tỷ đồng, đạt 30,7% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 30% so với kế hoạch tỉnh giao, bao gồm:

a) Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn giao 1.068 tỷ 900 triệu đồng, giải ngân 5 tháng năm 2022 là 62 tỷ 588 triệu đồng, đạt 5,9% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 331 tỷ đồng, đạt 31% kế hoạch, trong đó:

- Vốn các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn giao 1.000 tỷ đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 là 62 tỷ 588 triệu đồng, đạt 6,3% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 321 tỷ triệu đồng, đạt 32,1% kế hoạch.

- Vốn nước ngoài (ODA): Kế hoạch vốn giao 68 tỷ 900 triệu đồng, 5 tháng đầu năm 2022 chưa giải ngân; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 10 tỷ đồng, đạt 14,5% kế hoạch.

b) Vốn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn giao 6.236 tỷ 236 triệu đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 là 1.348 tỷ 866 triệu đồng, đạt 21,6% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 1.859 tỷ đồng, đạt 29,8% kế hoạch, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Kế hoạch vốn giao 477 tỷ 840 triệu đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 là 126 tỷ 441 triệu đồng, đạt 26,5% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 160 tỷ đồng, đạt 33,5% kế hoạch.

- Nguồn tiền sử dụng đất: Kế hoạch vốn giao 4.893 tỷ 296 triệu đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 là 987 tỷ 596 triệu đồng, đạt 20,2% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 1.335 tỷ 500 triệu đồng, đạt 27,3% kế hoạch.

- Vốn XSKT: Kế hoạch vốn giao 753 tỷ 600 triệu đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 là 147 tỷ 493 triệu đồng, đạt 19,6% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 275 tỷ triệu đồng, đạt 36,5% kế hoạch.

- Vốn hỗ trợ của TP. HCM: Kế hoạch vốn giao 30 tỷ đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 là 28 tỷ 308 triệu đồng, đạt 94,4% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 28 tỷ 500 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn vay lại dự án ODA): Kế hoạch vốn giao 18 tỷ 600 triệu đồng, 5 tháng đầu năm 2022 chưa giải ngân.

- Vốn dự phòng ngân sách địa phương (giao vốn cho 02 dự án xây dựng khu cách ly tập trung và bệnh viện dã chiến điều trị Covid-19): Kế hoạch vốn giao 62 tỷ 900 triệu đồng, giải ngân 5 tháng đầu năm 2022 là 59 tỷ 028 triệu đồng, đạt 93,8% kế hoạch; ước giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 60 tỷ đồng, đạt 95,4% kế hoạch.

2. Kết quả giải ngân phân theo chủ đầu tư, chương trình và ngành lĩnh vực:

- Kết quả giải ngân phân theo chủ đầu tư như sau: Huyện Bù Đốp đạt 32,9%; huyện Bù Gia Mập đạt 27,7%; huyện Bù Đăng đạt 27,4%; huyện Lộc Ninh đạt 22,4%; huyện Đồng Phú đạt 20,4%; Ban QLDA ĐTXD tỉnh đạt 20,1%; huyện Phú Riềng đạt 17,8%; thị xã Phước Long đạt 17,1%; huyện Hớn Quản 15,9%; thị xã Bình Long đạt 12,4%; huyện Chơn Thành đạt 12,2%; thành phố Đồng Xoài đạt 11,5%.

- Kết quả giải ngân phân theo chương trình: Chương trình MTQG nông thôn mới đạt 9,2%; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đạt 0 %.

- Kết quả giải ngân phân theo ngành, lĩnh vực: Công nghiệp đạt 32,7%; Văn hóa xã hội đạt 26,8%; Giáo dục và Đào tạo đạt 24,2%; Y tế đạt 23,4%; Quản lý nhà nước đạt 23,2%; Nông nghiệp, thủy lợi đạt 20%; Giao thông, vận tải và Hạ tầng đô thị đạt 18,7%; Quốc phòng, An ninh đạt 3,1%.

(Kèm theo biểu 1, biểu 2, biểu 3 và biểu 4)

3. Đánh giá chung và nguyên nhân

a) Đánh giá chung

Kết quả giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng năm 2022 của tỉnh đạt thấp, ước đạt 30% so với kế hoạch năm, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 13,1% (cùng kỳ năm trước là 43,1%). Ngoại trừ tỷ lệ giải ngân đạt khá của một số huyện như: Huyện Bù Đốp đạt 32,9%, huyện Bù Gia Mập đạt 27,7%, huyện Bù Đăng đạt 27,4%, còn lại các đơn vị khác đều đạt thấp như: Thị xã Bình Long đạt 12,4%; Huyện Chơn Thành đạt 12,2%; thành phố Đồng Xoài đạt 11,5%.

Đáng chú ý là Chương trình giảm nghèo chưa giải ngân, Chương trình MTQG nông thôn mới đạt rất thấp, điều này cho thấy công tác giải ngân dậm chân tại chỗ, chưa tích cực và chưa đổi mới theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 126/CĐ-TTg ngày 12/02/2022, chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 663/UBND-TH ngày 29/3/2022 gửi Bí thư và Chủ tịch các huyện, thị xã, thành phố, Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh và các chủ đầu tư về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

b) Nguyên nhân

*** Nguyên nhân khách quan:**

(1) Tháng 01/2022 các chủ đầu tư tập trung cho công tác giải ngân kế hoạch vốn còn lại của năm 2021; thời gian nghỉ Tết cổ truyền kéo dài nên các công trình chuyển tiếp chỉ thực sự thi công trở lại vào giữa tháng 02/2022.

(2) Biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của một số dự án và lập dự toán các dự án, vì đa số các hợp đồng xây dựng trên địa bàn là hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá. Dẫn đến tình trạng một số nhà thầu thi công còn cầm chừng, chưa đẩy nhanh tiến độ thi công theo kế hoạch đề ra.

(3) Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ lệ lớn (67%) trên tổng vốn đầu tư công toàn tỉnh. Tuy nhiên, đến 5 tháng đầu năm 2022 thu tiền sử dụng đất khối tỉnh đạt thấp (184 tỷ đồng/3.570 tỷ đồng, bằng 5,1%) nên ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân vốn.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

(1) Công tác chuẩn bị thủ tục thực hiện dự án còn chậm, trong đó thời gian lập, thẩm định trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán mất hơn 2 tháng. Đến nay 37/56 dự án đang hoàn thiện thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; 14/56 dự án đang đấu thầu.

(2) Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư của một số dự án mặc dù đã chuyển biến nhưng vẫn còn thiếu quyết liệt trong chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; công tác phối hợp giữa chủ đầu tư với các Sở, ban, ngành và các địa phương chưa đồng bộ, chặt chẽ nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư. Do đó, một số dự án vẫn còn chậm như: Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài; Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước; Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ; Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)...

(3) Đối với nguồn vốn ODA và nguồn bồi chi ngân sách địa phương (vốn tỉnh vay lại của Trung ương) đến nay chưa giải ngân là do: Đây là vốn dự (vốn dự phòng, dự tiết kiệm sau đấu thầu); theo quy định tại Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng vốn dự đối với từng dự án. Nhằm nâng cao hiệu quả dự án khi đưa vào khai thác sử dụng, phù hợp với quy hoạch phát triển của các địa phương, nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường; trên cơ sở ý kiến đề xuất của các địa phương khu vực tuyến đi qua như: Mở rộng quy mô mặt cắt ngang, cải tạo hệ thống thoát nước, ngày 26/4/2022 UBND tỉnh đã có Công văn số 907/UBND-TH gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sau khi có ý kiến chấp thuận của Trung ương, sẽ triển khai thi công và giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao trong năm 2022.

(Kèm theo biểu 5)

II. Giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022

(1) Các chủ đầu tư tập trung tháo gỡ về thủ tục đầu tư như: Khẩn trương thực hiện việc lập và trình phê duyệt thiết kế - dự toán trong tháng 6/2022; kiên quyết đến ngày 20/6/2022 các công trình, dự án khởi công mới năm 2022 chưa khởi công, chưa giải ngân, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh vốn cho dự án khác có tiến độ giải ngân tốt và cần vốn cuối năm để hoàn thành đưa vào sử dụng.

(2) Các chủ đầu tư, nhất là Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục quan tâm chỉ đạo quyết liệt, phối hợp kịp thời cho công tác GPMB, tháo gỡ những khó khăn,

vướng mắc để dự án sớm triển khai thực hiện và giải ngân vốn. Đối với các dự án có khối lượng khẩn trương hoàn thiện hồ sơ làm thủ tục thanh toán ngay với Kho bạc nhà nước.

(3) Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc về công tác đấu giá QSDĐ để có nguồn thu giải ngân vốn XDCB. Đề nghị các Sở: Tài nguyên môi trường, Tài chính, Xây dựng, Cục thuế và các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và định giá đất đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo nguồn thu theo dự toán đã giao.

(4) Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh: Triển khai các nhiệm vụ của 03 Tổ công tác của UBND tỉnh theo dõi từng dự án, từng nguồn vốn để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo sát sao, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; tiếp tục tham mưu UBND tỉnh duy trì giao ban định kỳ, thường xuyên về giải ngân vốn đầu tư công đối với các huyện, thị xã, thành phố và Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh; tổ chức giao ban nội bộ của Sở với phòng Tài chính kế hoạch và Ban QLDA các huyện, thị xã, thành phố để theo dõi sát sao tiến độ thực hiện giải ngân; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 cho xác với tình hình, đảm bảo tỷ lệ giải ngân đạt trên 95%.

(5) Các sở chuyên ngành như: Giao thông, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo chất lượng công trình.

(6) Chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng dự án để kịp thời có phương án xử lý cụ thể; đề cao vai trò, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; tiếp tục xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

Trên đây là báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công 5 tháng, ước 6 tháng đầu năm và giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, KBNN tỉnh;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

BIỂU 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 5 THÁNG, ƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 161 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022		Thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022			Ước thực hiện giải ngân 6 tháng năm 20222			Ghi chú
		TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
					TW giao	Tỉnh giao		TW giao	Tỉnh giao	
	TỔNG SỐ	7.129.040	7.305.136	1.411.454	19,8	19,3	2.190.000	30,7	30,0	
I	Vốn ngân sách trung ương	1.068.900	1.068.900	62.588	5,9	5,9	331.000	31,0	31,0	
1	Các chương trình mục tiêu	1.000.000	1.000.000	62.588	6,3	6,3	321.000	32,1	32,1	
2	Vốn nước ngoài	68.900	68.900		-	-	10.000	14,5	14,5	
II	Vốn ngân sách địa phương	6.060.140	6.236.236	1.348.866	22,3	21,6	1.859.000	30,7	29,8	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	477.840	477.840	126.441	26,5	26,5	160.000	33,5	33,5	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.700.000	4.893.296	987.596	21,0	20,2	1.335.500	28,4	27,3	
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	820.000	753.600	147.493	18,0	19,6	275.000	33,5	36,5	
4	Vốn hỗ trợ của TP. HCM		30.000	28.308		94,4	28.500		95,0	
5	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	62.300	18.600		-	-			-	
6	Dự phòng ngân sách địa phương		62.900	59.028		93,8	60.000,0		95,4	

BIỂU 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 5 THÁNG NĂM 2022
 (Kèm theo Báo cáo số 161 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:								Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA	Dự phòng NSDP			
	Tổng số	7.305.136	1.000.000	477.930	4.893.206	753.600	30.000	18.600	68.900	62.900	1.308.311	1.411.454	19,3
A	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	2.423.775	-	332.396	1.797.773	293.606	-	-	-	-	352.498	419.204	17,3
1	Thành phố Đồng Xoài	309.680		29.400	280.280	-					16.223	16.223	5,2
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	84.084			84.084								
2	Thị xã Bình Long	155.855		25.095	116.760	14.000					35.051	35.051	22,5
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	32.928			32.928								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000							
3	Thị xã Phước Long	124.515		22.575	87.940	14.000					32.857	32.857	26,4
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	22.932			22.932								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	4.500			4.500						-		
4	Huyện Đồng Phú	192.978		31.500	137.520	23.958					25.032	25.032	13,0
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	36.456			36.456								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000					6.409	6.409	
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	18.958			9.000	9.958					-		
5	Huyện Bù Đăng	252.056		46.961	140.836	64.259					34.415	54.353	21,6
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	20.051			20.051								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 100 phòng học)	70.000			35.000	35.000					11.236	11.236	
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	68.259			39.000	29.259					883	883	
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	15.461,0		15.461									
6	Huyện Bù Gia Mập	125.912		25.725	72.477	27.710					32.990	35.300	28,0
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.054			12.054								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	22.710			9.000	13.710					-		
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	16.296,5			16.296,5								
7	Huyện Chơn Thành	435.245		26.985	408.260	-					58.245	58.245	13,4
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	121.128			121.128								
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	4.500			4.500						-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
8	Huyện Hớn Quản	195.276		31.915,0	118.021	45.340					9.277	24.051	12,3
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	25.872			25.872								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 40 phòng học)	28.000			7.000	21.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	48.340			24.000	24.340					-		
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	6.865,5		6.085	780,5								
9	Huyện Lộc Ninh	291.735,0		40.365	204.320	47.050,0					48.396	54.615	18,7
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	39.396			39.396						-		
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 50 phòng học)	35.000			14.000	21.000					-		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	85.050			59.000	26.050					-		
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	6.345,0		6.345									
10	Huyện Bù Đốp	93.503,5		25.905,5	58.120,0	9.478,0					53.012	68.818	73,6
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.936			12.936								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 10 phòng học)	7.000				7.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	17.478			15.000	2.478							
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	2.490,5		2.490,5									
11	Huyện Phú Riềng	247.020		25.969	173.240,0	47.811,0					7.000	14.659	5,9
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	40.572			40.572								
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 70 phòng học)	49.000			14.000	35.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	36.811			24.000	12.811							
	Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021	1.504		1.504									
B	Vốn thực hiện dự án	4.666.930	1.000.000	114.497	2.912.833	459.200	30.000	18.600	68.900	62.900	955.813	948.082	20
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2.267.081	696.800	-	1.194.581	225.300	-	18.600	68.900	62.900	456.410	456.410	20
	Dự án chuyển tiếp	1.452.530	696.800	-	542.930	125.300	-	18.600	68.900	-	374.674	374.674	
1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	71.800	71.800								5.028	5.028	
2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	500.000	500.000								31.585	31.585	
3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	125.000	125.000								25.103	25.103	
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	47.330			47.330						15.653	15.653	
5	Xây dựng cầu dân sinh	46.000			46.000						33.378	33.378	
6	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	35.000			35.000						10.390	10.390	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	ODA				
7	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	78.000			78.000						1.249	1.249	
8	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	78.000			78.000						25.364	25.364	
9	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	30.000			30.000						29.046	29.046	
10	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	119.500			32.000			18.600	68.900		32.000	32.000	
11	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	12.000			12.000						-		
12	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14.800			14.800						13.377	13.377	
13	Xây dựng đường Đồng Hư - Bầu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nôm)	29.000			29.000						4.734	4.734	
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	30.000			30.000						29.264	29.264	
15	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	25.000			25.000						16.091	16.091	
16	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	30.600			30.600						3.181	3.181	
17	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	24.000			24.000						4.995	4.995	
18	Trường Cao đẳng Bình Phước	50.000				50.000					23.478	23.478	
19	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	25.000				25.000					18.536	18.536	
20	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	30.000				30.000					22.543	22.543	
21	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	20.300				20.300					-		
22	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	31.200			31.200						29.679	29.679	
	Dự án khởi công mới	807.918	-	-	645.018	100.000	-	-	-	62.900	75.161	75.161	-
23	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	264.549			264.549						-		
24	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	50.000			50.000						-		
25	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	130.469			130.469						988	988	
26	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50.000			50.000						1.000	1.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	40.000			40.000						319	319	
28	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15.000			15.000						281	281	
29	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	15.000			15.000						336	336	
30	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	15.000			15.000						315	315	
31	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	15.000			15.000						292	292	
32	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	50.000				50.000					-		
33	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	25.000				25.000					574	574	
34	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	25.000				25.000					11.359	11.359	
35	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	50.000			50.000						669	669	
36	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	32.900								32.900	31.331	31.331	
37	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	30.000								30.000	27.697	27.697	
	Tất toán các công trình quyết toán	6.633	-	-	6.633	-	-	-	-		6.575	6.575	
36	Dự án Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách) tỉnh Bình Phước	7			7						6	6	
37	Xây dựng hàng rào khu căn cứ Bộ chỉ huy miền tả thiết (giai đoạn 2)	91			91						40	40	
38	Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp	1.985			1.985						1.980	1.980	
39	Trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	2.501			2.501						2.501	2.501	
40	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	98			98						98	98	
41	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành	687			687						686	686	
42	Xây dựng đường giao thông và công viên khu di tích lịch sử căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tả Thiết	1.264			1.264						1.264	1.264	
II	Thành phố Đồng Xoài	167.189	30.000	60.000	77.189	-	-	-	-		38.559	38.559	
	Dự án khởi chuyển tiếp	102.000	30.000	60.000	12.000	-	-	-	-		7.326	7.326	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	30.000	30.000								872	872	
2	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	60.000		60.000							1.241	1.241	
3	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đông)	12.000			12.000						5.213	5.213	
	Dự án khởi công mới	65.000	-	-	65.000	-	-	-	-		31.141	31.141	
3	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	20.000			20.000						-	-	
4	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	45.000			45.000						31.141	31.141	
	Tất toán các công trình quyết toán	189	-	-	189	-	-	-	-		92	92	-
5	Trường Mầm non Hòa Mí, thị xã Đồng Xoài, (giai đoạn 2)	189			189						92	92	
III	Thị xã Phước Long	154.500	-	-	154.500	-	-	-	-		14.890	14.890	9,6
	Dự án khởi chuyển tiếp	42.500	-	-	42.500	-	-	-	-		14.890	14.890	
1	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	10.500			10.500						4.656	4.656	
2	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	32.000			32.000						10.234	10.234	
	Dự án khởi công mới	112.000	-	-	112.000	-	-	-	-		-	-	
3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	35.000			35.000						-	-	
4	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	30.000			30.000						-	-	
5	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	30.000			30.000						-	-	
6	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	17.000			17.000						-	-	
IV	Thị xã Bình Long	183.700	-	-	148.700	35.000	-	-	-		7.202	7.202	3,9
	Dự án chuyển tiếp	73.700	-	-	38.700	35.000	-	-	-		7.202	7.202	
1	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	38.700			38.700						5.652	5.652	
2	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000				35.000					1.550	1.550	
	Dự án khởi công mới	110.000	-	-	110.000	-	-	-	-		-	-	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30.000			30.000						-	-	
4	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	80.000			80.000						-	-	
V	Huyện Chơn Thành	174.602	-	-	174.602	-	-	-	-		24.174	16.380	9,4
	Dự án chuyển tiếp	76.000	-	-	76.000	-	-	-	-		15.588	7.794	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
1	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	40.000			40.000						-		
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000			36.000						7.794	7.794	
	Dự án khởi công mới	90.000	-	-	90.000	-	-	-	-	-	-	-	
3	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	30.000			30.000						-		
4	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	30.000			30.000						-		
5	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	30.000			30.000						-		
	Tất toán các công trình quyết toán	8.602	-	-	8.602	-	-	-	-	-	8.586	8.586	
6	Trường cấp 2,3 Minh Hưng, huyện Chơn Thành	6.717			6.717						6.709	6.709	
7	Trường mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	1.885			1.885						1.877	1.877	
VI	Huyện Hớn Quản	211.384	70.000	-	131.384	10.000	-	-	-	-	40.794	40.794	19
	Dự án chuyển tiếp	119.000	-	-	119.000	-	-	-	-	-	40.715	40.715	
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	40.000			40.000						25.000	25.000	
2	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	24.000			24.000						15.715	15.715	
3	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	50.000			50.000						-		
4	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000			5.000						-		
	Dự án khởi công mới	92.000	70.000	-	12.000	10.000	-	-	-	-	-	-	
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	70.000	70.000								-		
6	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	12.000			12.000						-		
7	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000				10.000					-		
	Tất toán các công trình quyết toán	384	-	-	384	-	-	-	-	-	79	79	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	384			384						79	79	
VII	Huyện Đồng Phú	258.991	100.000	-	146.591	12.400	-	-	-	-	67.022	67.022	25,9
	Dự án chuyển tiếp	145.000	-	-	145.000	-	-	-	-	-	65.447	65.447	
1	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	50.000			50.000						12.000	12.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:								Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA	Dự phòng NSDP			
2	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	30.000			30.000						13.633	13.633	
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	35.000			35.000						10.074	10.074	
4	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	30.000			30.000						29.740	29.740	
	Dự án khởi công mới	112.400	100.000	-	-	12.400	-	-	-	-	-	-	-
5	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	100.000	100.000								-		
6	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	12.400				12.400					-		
	Tất toán các công trình quyết toán	1.591	-	-	1.591	-	-	-	-	-	1.575	1.575	
7	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	1.591			1.591						1.575	1.575	
VIII	Huyện Bù Đăng	143.000	-	-	97.000	46.000	-	-	-	-	53.952	53.952	37,7
	Dự án chuyển tiếp	119.000	-	-	82.000	37.000	-	-	-	-	53.952	53.952	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	22.000			22.000						-		
2	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	30.000			30.000						20.213	20.213	
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	30.000			30.000						26.493	26.493	
4	Xây dựng Khô hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	7.500				7.500					-		
5	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	7.500				7.500					1.370	1.370	
6	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	15.000				15.000					4.866	4.866	
7	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	7.000				7.000					1.010	1.010	
	Dự án khởi công mới	24.000	-	-	15.000	9.000	-	-	-	-	-	-	-
8	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	15.000			15.000						-		
9	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	9.000				9.000					-		
IX	Huyện Lộc Ninh	199.900	50.000	-	113.400	36.500	-	-	-	-	55.653	55.653	27,8
	Dự án chuyển tiếp	85.900	-	-	58.400	27.500	-	-	-	-	55.653	55.653	
1	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	21.000			21.000						16.730	16.730	
2	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	37.400			37.400						20.000	20.000	
3	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	20.000				20.000					18.032	18.032	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
4	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7.500				7.500					891	891	
	Dự án khởi công mới	114.000	50.000	-	55.000	9.000	-	-	-		-	-	
5	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Ché Biền đi cầu Đò xã Lộc Điền)	50.000	50.000								-		
6	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	20.000			20.000						-		
7	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	15.000			15.000						-		
8	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	20.000			20.000						-		
9	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9.000				9.000					-		
X	Huyện Bù Đốp	184.064	-	-	149.064	35.000	-	-	-		22.357	22.420	12,2
	Dự án chuyển tiếp	25.000	-	-	10.000	15.000	-	-	-		8.845	8.845	
1	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trảng	10.000			10.000						8.712	8.712	
2	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	15.000				15.000					133	133	
	Dự án khởi công mới	159.000	-	-	139.000	20.000	-	-	-		13.512	13.512	
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	22.000			22.000						-		
4	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	40.000			40.000						-		
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	20.000			20.000						-		
6	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	40.000			40.000						-		
7	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cản Đom cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000			17.000						13.512	13.512	
8	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10.000				10.000					-		
9	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10.000				10.000					-		
	Tất toán các công trình quyết toán	64	-	-	64	-	-	-	-		-	63	
10	Trường Mẫu giáo Tân Tiến, huyện Bù Đốp	64			64							63	
XI	Huyện Bù Gia Mập	171.925	-	-	122.925	19.000	30.000	-	-		47.085	47.085	27,4
	Dự án khởi công mới	101.000	-	-	52.000	19.000	30.000	-	-		46.486	46.486	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ó (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	30.000					30.000				28.307	28.307	
2	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia mập	42.000			42.000						-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022								Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022			
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				Dự phòng NSDP
3	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	19.000				19.000					14.094	14.094	
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	10.000			10.000						4.085	4.085	
	Dự án khởi công mới	68.000	-	-	68.000	-	-	-	-		-	-	
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	30.000			30.000						-		
6	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	38.000			38.000						-		
	Tất toán các công trình quyết toán	2.925	-	-	2.925	-	-	-	-		599	599	
7	Trường Mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	796			796						439	439	
8	Cầu bắc qua sông Bé trên đường ĐT.760 nối dài	2.129			2.129						160	160	
XII	Huyện Phú Riềng	175.000	-	-	175.000	-	-	-	-		60.428	60.428	34,5
	Dự án chuyển tiếp	130.000	-	-	130.000	-	-	-	-		60.428	60.428	
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25.000			25.000						-		
2	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	55.000			55.000						50.428	50.428	
3	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	30.000			30.000						10.000	10.000	
4	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	20.000			20.000						-		
	Dự án khởi công mới	45.000	-	-	45.000	-	-	-	-		-	-	
5	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	15.000			15.000						-		
6	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	15.000			15.000						-		
7	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	15.000			15.000						-		
XIII	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	15.000	-	-	15.000	-	-	-	-		-	-	-
	Dự án khởi công mới	15.000	-	-	15.000	-	-	-	-		-	-	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	15.000			15.000								
XIV	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	53.932	53.200	-	732	-	-	-	-		389	389	
	Dự án khởi công mới	53.200	53.200	-	-	-	-	-	-		-	-	
1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ố huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh;Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	53.200	53.200								-		
	Tất toán các công trình quyết toán	732	-	-	732	-	-	-	-		389	389	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022									Tình hình thực hiện và giải ngân đến ngày 31/5/2022		
		Tổng số	Trong đó:							Dự phòng NSDP	Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
2	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện - Tà Nốt) huyện Lộc Ninh (đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu)	732			732						389	389	
XV	Công an tỉnh	24.800	-	-	24.800	-	-	-	-		2.513	2.513	10,1
	Dự án chuyển tiếp	14.800	-	-	14.800	-	-	-	-		-	-	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8.000			8.000						-		
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6.800			6.800						-		
	Dự án khởi công mới	10.000	-	-	10.000	-	-	-	-		2.513	2.513	
3	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	10.000			10.000						2.513	2.513	
XVI	Sở Y tế	40.000	-	-	-	40.000	-	-	-		-	-	-
	Dự án khởi công mới	40.000	-	-	-	40.000	-	-	-		-	-	
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	40.000				40.000					-		
XVII	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	32.497		32.497							7.536	7.536	23,2
XVIII	Đài PTTH tỉnh	88.500	-	22.000	66.500	-	-	-	-		21.146	21.146	23,9
	Dự án khởi chuyển tiếp	48.500	-	22.000	26.500	-	-	-	-		21.146	21.146	
1	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng không chế truyền dẫn	22.000		22.000							9.241	9.241	
2	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	26.500			26.500						11.905	11.905	
	Dự án khởi công mới	40.000	-	-	40.000	-	-	-	-		-	-	
3	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	40.000			40.000						-		
XIX	Sở Xây dựng	70.600	-	-	70.600	-	-	-	-		35.000	35.000	49,6
	Dự án khởi chuyển tiếp	70.600	-	-	70.600	-	-	-	-		35.000	35.000	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và KDC Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	70.600			70.600						35.000	35.000	
XX	Sở Thông tin và Truyền thông	30.000	-	-	30.000	-	-	-	-		703	703	2,3
	Dự án khởi công mới	30.000	-	-	30.000	-	-	-	-		703	703	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	30.000			30.000						703	703	
XXI	Chi cục Kiểm lâm	10.000	-	-	10.000	-	-	-	-		-	-	-
	Dự án khởi công mới	10.000	-	-	10.000	-	-	-	-		-	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	10.000			10.000						-		
XXII	Liên minh hợp tác xã tỉnh	10.000	-	-	10.000	-	-	-	-		-	-	-
1	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	10.000			10.000						-		
XXIII	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	265	-	-	265	-	-	-	-		-	-	
	Tất toán các công trình quyết toán	265	-	-	265	-	-	-	-		-	-	

[illegible]

BIỂU 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số 161 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	Giải ngân đến ngày 31/5/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)
	TỔNG CỘNG	7.305.136	1.411.454	19,3
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước	2.267.081	456.410	20,1
2	Thành Phố Đồng Xoài	476.869	54.782	11,5
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	309.680	16.223	5,2
	Vốn thực hiện dự án	167.189	38.559	23,1
3	Thị Xã Bình Long	339.555	42.253	12,4
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	155.855	35.051	22,5
	Vốn thực hiện dự án	183.700	7.202	3,9
4	Huyện Lộc Ninh	491.635,0	110.268,0	22,4
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	291.735,0	54.615	18,7
	Vốn thực hiện dự án	199.900	55.653	27,8
5	Thị Xã Phước Long	279.015	47.747	17,1
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	124.515	32.857	26,4
	Vốn thực hiện dự án	154.500	14.890	9,6
6	Huyện Bù Đăng	395.056,0	108.305,0	27,4
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	252.056,0	54.353	21,6
	Vốn thực hiện dự án	143.000	53.952	37,7
7	Huyện Đồng Phú	451.969	92.054	20,4
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	192.978	25.032	13,0
	Vốn thực hiện dự án	258.991	67.022	25,9
8	Huyện Chơn Thành	609.847	74.625	12,2
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	435.245	58.245	13,4
	Vốn thực hiện dự án	174.602	16.380	9,4
9	Huyện Bù Đốp	277.567,5	91.238,0	32,9
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	93.503,5	68.818	73,6
	Vốn thực hiện dự án	184.064	22.420	12,2
10	Huyện Hớn Quản	406.660	64.845	15,9
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	195.276	24.051	12,3
	Vốn thực hiện dự án	211.384	40.794	19,3
11	Huyện Bù Gia Mập	297.837	82.385	27,7
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	125.912	35.300	28,0
	Vốn thực hiện dự án	171.925	47.085	27,4
12	Huyện Phú Riềng	422.020,0	75.087,0	17,8
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	247.020,0	14.659	5,9
	Vốn thực hiện dự án	175.000	60.428	34,5
13	Các đơn vị khác	590.026	111.455	18,9
13.1	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	15.000	-	0,0
13.2	Công an tỉnh	24.800	2.513	10,1
13.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32.497	7.536	23,2
13.5	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	183.659	44.168	24,0
13.6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	31.038	-	0,0
13.7	Sở Y tế	40.000	-	0,0
13.8	Sở Xây dựng	70.600	35.000	49,6
13.9	Đài PTTH và Báo Bình Phước	88.500	21.146	23,9
13.10	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	53.932	389	0,7
13.11	Sở Thông tin và Truyền thông	30.000	703	2,3
13.12	Chi cục Kiểm lâm	10.000	-	0,0
13.13	Liên minh hợp tác xã tỉnh	10.000	-	0



BIỂU 4
TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC
(Kèm theo Báo cáo số 161 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Ngành lĩnh vực	Kế hoạch vốn năm 2022	Giải ngân đến ngày 31/5/2022	Tỷ lệ
1	Công nghiệp	170.385	55.639	32,7
2	Giao thông vận tải & Hạ tầng đô thị	4.649.002	870.229	18,7
3	Y tế	658.339	153.805	23,4
4	Giáo dục và Đào tạo	849.390	205.586	24,2
5	Văn hóa - Xã hội	209.791	56.322	26,8
6	Quốc phòng - An ninh	93.732	2.902	3,1
7	Quản lý nhà nước	32.497	7.536	23,2
8	Nông nghiệp, thủy lợi	72.000	14.384	20,0
9	Chương trình MTQG Xây dựng NTM	490.000	45.051	9,2
10	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	80.000	-	0,0
Tổng cộng		7.305.136	1.411.454	19,3



BIỂU 5

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 16A /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Giải ngân đến ngày 13/6/2022			Tiến độ thực hiện dự án
			Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
	Tổng số	1.917.518	123.030	123.030	6,4	
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	807.918	75.161	75.161	-	
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	264.549	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
2	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	50.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	130.469	988	988		Đang lập thiết kế BVTC-DT
4	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50.000	1.000	1.000		Đang lập thiết kế BVTC-DT
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	40.000	319	319		Đang lập thiết kế BVTC-DT
6	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15.000	281	281		Đang lập thiết kế BVTC-DT
7	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	15.000	336	336		Đang lập thiết kế BVTC-DT
8	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	15.000	315	315		Đang lập thiết kế BVTC-DT
9	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	15.000	292	292		Đang lập thiết kế BVTC-DT
10	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	50.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
11	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	25.000	574	574		Đang lập thiết kế BVTC-DT
12	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	25.000	11.359	11.359		Đang thi công
13	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	50.000	669	669		Đang lập thiết kế BVTC-DT
14	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	32.900	31.331	31.331		Đang thi công
15	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	30.000	27.697	27.697		Đang thi công
II	Thành phố Đồng Xoài	65.000	31.141	31.141		
16	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	20.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
17	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	45.000	31.141	31.141		Đang thi công
III	Thị xã Phước Long	112.000	-	-	-	
18	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	35.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
19	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	30.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
20	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	30.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
21	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	17.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
IV	Thị xã Bình Long	110.000	-	-	-	
22	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
23	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	80.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
V	Huyện Chơn Thành	90.000	-	-	-	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Giải ngân đến ngày 13/6/2022			Tiến độ thực hiện dự án
			Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
24	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	30.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
25	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	30.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
26	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	30.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
VI	Huyện Hớn Quản	22.000	-	-	-	
27	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	12.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
28	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
VII	Huyện Đồng Phú	112.400	-	-	-	
29	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	100.000		-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
30	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	12.400		-		Đang đấu thầu xây lắp
VIII	Huyện Bù Đăng	24.000	-	-	-	
31	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	15.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
32	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	9.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
IX	Huyện Lộc Ninh	114.000	-	-	-	
33	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	50.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
34	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	20.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
35	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	15.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
36	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	20.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
37	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
X	Huyện Bù Đốp	159.000	13.512	13.512	8,5	
38	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	22.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
39	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	40.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
40	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	20.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
41	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	40.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
42	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cần Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000	13.512	13.512		Đang thi công
43	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
44	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
XII	Huyện Bù Gia Mập	68.000	-	-	-	
45	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kía qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	30.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
46	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	38.000	-	-		Đang đấu thầu xây lắp
XIII	Huyện Phú Riềng	45.000	-	-	-	
47	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	15.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
48	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	15.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
49	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	15.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
XIV	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	15.000	-	-	-	
50	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	15.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
XV	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	53.200	-	-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Giải ngân đến ngày 13/6/2022			Tiến độ thực hiện dự án
			Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
51	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	53.200	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT
XVI	Công an tỉnh	10.000	2.513	2.513		
52	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	10.000	2.513	2.513		Đang đấu thầu xây lắp
XV	Sở Y tế	40.000	-	-		
53	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	40.000	-	-		Đang lập thiết kế chi tiết-DT
XVII	Đài PTTH tỉnh	30.000	-	-		
54	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	30.000	-	-		Đang lập thiết kế chi tiết-DT
XVIII	Sở Thông tin và Truyền thông	30.000	703	703		
55	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	30.000	703	703		Đang lập thiết kế chi tiết-DT
XIX	Chi cục Kiểm lâm	10.000	-	-		
56	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	10.000	-	-		Đang lập thiết kế BVTC-DT


 BÌNH PHƯỚC